

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v Ban hành mức học phí cho các ngành đào tạo trình độ**  
**Đại học hệ chính quy – Khóa 12 năm học 2024 – 2025**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 02/HNNĐT-ĐHNCT ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Hội nghị Nhà đầu tư về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Nam Cần Thơ, nhiệm kỳ năm 2020 - 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Nam Cần Thơ được ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-CTHĐT-ĐHNCT ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Nam Cần Thơ;

Căn cứ nhu cầu và tình hình hoạt động của Trường;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành mức học phí cho tất cả các ngành bậc Đại học hệ Chính quy khoá 12 tại Trường Đại học Nam Cần Thơ áp dụng cho năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

**1. Mức học phí:**

STT	Ngành học	Mức học phí (VNĐ/TC)
1	Bất động sản	745,000
2	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	775,000
3	Công nghệ thông tin	685,000
4	Công nghệ thực phẩm	775,000
5	Kế toán	685,000
6	Khoa học máy tính	685,000
7	Kinh doanh quốc tế	685,000
8	Kinh tế số	665,000

<b>STT</b>	<b>Ngành học</b>	<b>Mức học phí (VNĐ/TC)</b>
9	Kỹ thuật cơ khí động lực	1,005,000
10	Kỹ thuật phần mềm	685,000
11	Kỹ thuật xây dựng	685,000
12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	965,000
13	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	795,000
14	Luật	695,000
15	Luật kinh tế	685,000
16	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	685,000
17	Marketing	685,000
18	Ngôn ngữ anh	685,000
19	Quan hệ công chúng (PR)	735,000
20	Quản lý công nghiệp	665,000
21	Quản lý đất đai	685,000
22	Quản lý tài nguyên và môi trường	665,000
23	Quản trị DV du lịch và LH	685,000
24	Quản trị khách sạn	685,000
25	Quản trị kinh doanh	685,000
26	Quản trị nhà hàng và DV ăn uống	695,000
27	Tài chính – ngân hàng	685,000
28	Thương mại điện tử	685,000
29	Truyền thông đa phương tiện	705,000
30	Y học dự phòng	1,905,000
31	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1,105,000
32	Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	1,215,000
33	Dược học	1,805,000
34	Kiến trúc	845,000
35	Y khoa (Bác sĩ đa khoa)	3,085,000
36	Răng - Hàm - Mặt	3,435,000

<b>STT</b>	<b>Ngành học</b>	<b>Mức học phí (VNĐ/TC)</b>
37	Kỹ thuật hình ảnh y học	1,485,000
38	Công nghệ kỹ thuật bán dẫn	1,185,000
39	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	930,000
40	Điều dưỡng	1,215,000

**2. Mức học phí giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và các khoản thu khác:**

- Giáo dục quốc phòng: 350,000 đồng/1TC.
- Giáo dục thể chất: 405,000 đồng/1TC.
- Lệ phí nhập học: 900,000 đồng/Sinh viên.
- Lệ phí khám sức khỏe: 120,000 đồng/Sinh viên.
- Bảo hiểm y tế 12 tháng: 685,000 đồng/Sinhviên (Mức thu theo quy định hiện hành).
- Bảo hiểm tai nạn: 30,000 đồng/Sinh viên/Năm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, các Trưởng khoa, các Trưởng phòng ban, các đơn vị thuộc Trường Đại học Nam Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- HĐT;
- Lưu VT, TC-HC;
- BQT Website.

**TS.LS Nguyễn Tiến Dũng**